

UBND QUẬN TÂN BÌNH
TRƯỜNG THCS QUANG TRUNG
Số: 28/QĐ-QT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Tân Bình, ngày 26 tháng 4 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai quyết toán ngân sách năm 2024 của Trường THCS Quang Trung

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ vào Thông báo số 56/TB – TCKH ngày 14 tháng 04 năm 2025 của Phòng Tài chính - Kế hoạch quận Tân Bình;

Xét đề nghị của bộ phận kế toán.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu quyết toán ngân sách năm 2024 của Trường THCS Quang Trung (theo các biểu đính kèm)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Bộ phận kế toán, BCH Công Đoàn và các bộ phận liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Cơ quan tài chính cùng cấp;
- Đơn vị dự toán cấp trên;
- Các đơn vị trực thuộc;
- Lưu: VT, ...

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



Nguyễn Thị Hồng Vy

Kính gửi: Phòng Tài chính – Kế hoạch Quận Tân Bình
V/v báo cáo tình hình thực hiện công khai Thông báo xét duyệt quyết toán ngân sách năm 2024 của Trường Trung học cơ sở Quang Trung

Trường Trung học cơ sở Quang Trung báo cáo tình hình thực hiện công khai Thông báo xét duyệt quyết toán ngân sách năm 2024, kinh phí đào tạo quận Tân Bình theo Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước, Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ.

I. Tình hình công khai ngân sách

1. Trường Trung học cơ sở Quang Trung đã công khai thông báo xét duyệt quyết toán ngân sách năm 2024 theo Thông báo số 56/TB-TCKH của Phòng tài chính kế hoạch quận Tân Bình ngày 14 tháng 04 năm 2025.

2. Trường Trung học cơ sở Quang Trung đã thực hiện công khai ngân sách: (Chi tiết theo biểu sau)

Stt	Tên đơn vị	Đơn vị đã thực hiện công khai ngân sách		
		Nội dung	Hình thức	Thời gian
I	Trường THCS Quang Trung			
1	Theo Thông báo số 56/TB-TCKH ngày 14/04/2025	Thông báo xét duyệt quyết toán ngân sách năm 2024	Dán bảng tin tại phòng giáo viên	Niêm yết ngày 02/5/2025

II. Nêu những nguyên nhân tại sao chưa công khai hoặc đã công khai nhưng chưa đúng quy định

Không có.

Nơi nhận:

- Phòng Tài chính – Kế hoạch;
- Lưu : VT.

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Hồng Vy

Số: 149 /QT

Tân Bình, ngày 28 tháng 4 năm 2025

V/v báo cáo tình hình thực hiện công khai
quyết toán ngân sách nhà nước năm 2024

Kính gửi: Phòng Tài chính – Kế hoạch quận Tân Bình

Trường THCS Quang Trung báo cáo tình hình thực hiện công khai quyết toán ngân sách nhà nước năm 2024 theo Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước, Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ, Thông tư 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện Quy chế công khai tài chính đối với các đơn vị dự toán ngân sách và các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

I. Tình hình công khai ngân sách tại Trường THCS Quang Trung:

1.1 Trường THCS Quang Trung đã công khai thông báo xét duyệt quyết toán ngân sách năm 2024 theo Thông báo số 56/TCKH của Phòng Tài chính - Kế hoạch quận Tân Bình ngày 14 tháng 04 năm 2025.

1.2 Trường Trung học cơ sở Quang Trung đã thực hiện công khai ngân sách: (Chi tiết theo biểu sau)

- Đã thực hiện công khai quyết toán thu - chi ngân sách năm 2024.
- Nội dung công khai: Công khai số liệu quyết toán ngân sách 2024
- + Theo Biểu: số 01/QĐ-CKNS và biểu số 04 theo TT61/2017/TT-BTC và TT90/2018/TT-BTC
- Hình thức công khai: công khai trên bảng tin và trên trang Web của trường.
- Thời gian công khai: 02/05/2025.
- + Có đúng thời gian hay không: Đúng thời gian qui định

II. Nêu những nguyên nhân tại sao chưa công khai hoặc đã công khai nhưng chưa đúng quy định.

Trường THCS Quang Trung báo cáo tình hình công khai dự toán để Phòng Tài chính – Kế hoạch được biết.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, ...

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



Nguyễn Thị Hồng Vy

ĐƠN VỊ : TRƯỜNG THCS QUANG TRUNG
Chương : 622

Biểu số 04

Ban hành kèm theo TT số 90/2018/TT-BTC ngày 28
tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính

QUYẾT TOÁN THU - CHI NGUỒN NSNN, NGUỒN KHÁC năm 2024

(Kèm theo Quyết định số W/QĐ-QT ngày 24 tháng 4 năm 2025 của Trường THCS Quang Trung)
(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán ngân sách nhà nước)

Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyet chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc)
1	2	3	4	5=4-3	6
A	Quyết toán thu, chi nộp ngân sách, phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí				
1	Lệ phí				
2	Phí				
II	Chi từ nguồn thu phí được khấu trừ hoặc để lại				
1	Chi sự nghiệp				
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
2	Chi quản lý hành chính				
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
III	Số thu phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước				
1	Lệ phí				
2	Phí				
B	Quyết toán chi ngân sách nhà nước	20.228.029.583	20.228.029.583	0	0
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	20.228.029.583	20.228.029.583	0	0
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	10.724.580.053	10.724.580.053	0	
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	9.503.449.530	9.503.449.530	0	

Kế toán

Trần Trọng Nhân

Tân Bình, ngày 24 tháng 04 năm 2025

Hiệu trưởng

Nguyễn Thị Hồng Vy

CÔNG KHAI
THUYẾT MINH TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC
NĂM 2024

A. Dự toán giao :

- Kinh phí thực hiện tự chủ/kinh phí thường xuyên (nguồn 13)	:	10.750.417.000 đồng
+ Năm trước chuyển sang	:	20.000.000 đồng
+ Giao đầu năm	:	9.447.415.000 đồng
+ Điều chỉnh trong năm	:	1.283.002.000 đồng
- Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương, Nghị Quyết 03 (nguồn 14)	:	6.054.519.060 đồng
+ Năm trước chuyển sang	:	745.054.060 đồng
+ Giao đầu năm	:	3.885.465.000 đồng
+ Điều chỉnh trong năm	:	1.424.000.000 đồng
- Kinh phí không thực hiện tự chủ/không thường xuyên (nguồn 12)	:	3.875.848.519 đồng
+ Năm trước chuyển sang	:	- đồng
+ Giao đầu năm	:	2.405.926.000 đồng
+ Điều chỉnh trong năm	:	1.469.922.519 đồng

B. Tình hình thực hiện dự toán chi NSNN năm 2022

I. Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ (nguồn 13)	:	10.724.580.053 đồng
- Lương theo ngạch, bậc	:	5.176.850.608 đồng
- Phụ cấp chức vụ	:	91.367.971 đồng
- Phụ cấp ưu đãi nghề	:	1.536.848.802 đồng
- Phụ cấp theo nghề, theo công việc	:	18.846.000 đồng
- Phụ cấp thâm niên vượt khung; phụ cấp thâm niên nghề	:	865.425.633 đồng
- Thưởng thường xuyên	:	46.332.000 đồng
- Bảo hiểm xã hội	:	1.043.570.043 đồng
- Bảo hiểm y tế	:	184.159.422 đồng
- Kinh phí công đoàn	:	124.035.049 đồng
- Bảo hiểm thất nghiệp	:	61.386.479 đồng
- Các khoản đóng góp khác	:	30.693.244 đồng
- Chi khác	:	130.248.000 đồng
- Tiền điện	:	91.892.111 đồng
- Tiền nước	:	5.747.078 đồng
- Tiền vệ sinh, môi trường	:	15.068.664 đồng
- Văn phòng phẩm	:	13.987.377 đồng
- Vật tư văn phòng khác	:	2.429.892 đồng
- Cước phí điện thoại (không bao gồm khoản điện thoại); thuê bao đường điện thoại; fax	:	1.735.218 đồng
- Phim ảnh; ấn phẩm truyền thông; sách, báo, tạp chí thư viện	:	3.978.000 đồng
- Khoản công tác phí	:	12.000.000 đồng
- Thuê lao động trong nước	:	510.578.400 đồng
- Tài sản và thiết bị chuyên dùng	:	3.120.500 đồng
- Các thiết bị công nghệ thông tin	:	4.500.000 đồng

- Chi mua hàng hóa, vật tư	:	2.703.909 đồng
- Đồng phục, trang phục; bảo hộ lao động	:	8.000.000 đồng
- Chi khác	:	89.075.653 đồng
- Chi lập Quỹ bổ sung thu nhập, Quỹ dự phòng ổn định thu nhập	:	390.000.000 đồng
- Chi lập Quỹ phúc lợi	:	194.935.000 đồng
- Chi lập Quỹ khen thưởng	:	65.000 đồng
- Chi lập Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp	:	65.000.000 đồng

II. Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ (nguồn 14) : 0 đồng

III. Kinh phí không thực hiện tự chủ (nguồn 12) : 3.875.848.519 đồng

- Phụ cấp làm đêm; làm thêm giờ	:	222.209.147 đồng
- Phụ cấp ưu đãi nghề	:	168.574.011 đồng
- Mua sắm công cụ dụng cụ văn phòng	:	9.780.000 đồng
- Chi phí thuê mướn khác	:	6.000.000 đồng
- Nhà cửa	:	480.853.361 đồng
- Các thiết bị công nghệ thông tin	:	88.200.000 đồng
- Chi mua hàng hóa, vật tư	:	170.532.000 đồng
- Cấp bù học phí cho cơ sở giáo dục đào tạo theo chế độ	:	2.729.700.000 đồng

- Tổng chi NSNN năm 2024 là : 20.228.029.583 đồng, đạt dự toán năm 2024 là: 128,52% dự toán năm và tăng 27,39% so với cùng kỳ năm trước.

inh phí thực hiện tự chủ/TX (nguồn 13) năm 2024 là : 10.724.580.053 đồng, và đạt tỷ lệ là: 131,55% dự toán năm và đạt là: 131,55% so với cùng kỳ năm trước.

+ Do năm 2024 có chi thu nhập tăng thêm nhiều hơn năm 2023.

+ Và năm 2024 trích lập quỹ nhiều hơn năm 2023.

- Kinh phí thực hiện tự chủ/TX (nguồn 14) năm 2023 5.346.521.011 đồng, và đạt tỷ lệ là: 79,20% dự toán năm và đạt 126,26% so với cùng kỳ năm trước.

- Nguyên nhân: năm 2024 có tăng MLCS lên 1.800.000 đ chi mức chênh lệch 2.340.000 đồng

- Kinh phí không thực hiện tự chủ / không TX (nguồn 12) năm 2024 là : 3.875.848.519 đồng, đạt tỷ lệ 110,98% tăng so với dự toán năm trước do có cấp bù học phí, sửa chữa và mua sắm thiết bị trong năm học.

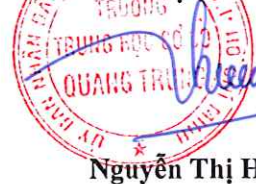
- Kinh phí không thực hiện tự chủ / không TX (nguồn 18) năm 2024 là : 281.080.000 đồng, đạt tỷ lệ 100,00% so với dự toán năm do số chi thực tế bằng với số dự toán cấp.

Kế toán


Trần Trọng Nhân

Tân Bình, ngày 26 tháng 04 năm 2025

Hiệu trưởng


Nguyễn Thị Hồng Vy

BIÊN BẢN NIÊM YẾT
Công khai quyết toán ngân sách năm 2024

Hôm nay, lúc 10h 00 ngày 02 tháng 05 năm 2024

Tại: Trường THCS Quang Trung

Thành phần gồm có:

1. Bà Nguyễn Thị Hồng Vy – Hiệu trưởng
2. Bà Lê Thị Kim Hương – Giáo viên - Chủ tịch CDCS
3. Ông Trần Đại – Giáo viên - Trưởng Ban TTND
4. Ông Trần Trọng Nhân – Kế toán trưởng

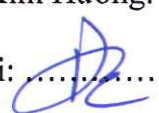
Tiến hành niêm yết công khai quyết toán ngân sách năm 2023.

Thời gian niêm yết: từ ngày 02 tháng 05 năm 2025 đến ngày 01 tháng 06 năm 2025.

Nơi niêm yết: bảng tin cơ quan (trong phòng giáo viên).

Biên bản niêm yết kết thúc lúc 10h30 cùng ngày./.

THÀNH PHẦN THAM DỰ:

- Lê Thị Kim Hương: 
- Trần Đại: 
- Trần Trọng Nhân: 



Nguyễn Thị Hồng Vy

BIÊN BẢN KẾT THÚC NIÊM YẾT
Công khai quyết toán ngân sách năm 2024

Hôm nay, lúc 10 g 00 ngày 01 tháng 06 năm 2025

Tại: Trường THCS Quang Trung

Thành phần gồm có:

1. Bà Nguyễn Thị Hồng Vy – Hiệu trưởng
2. Bà Lê Thị Kim Hương – Giáo viên - Chủ tịch CĐCS
3. Ông Trần Đại – Giáo viên - Trưởng Ban TTND
4. Ông Trần Trọng Nhân – Kế toán trưởng

Tiến hành tháo bỏ niêm yết công khai quyết toán ngân sách năm 2024.

Thời gian niêm yết: từ ngày 02 tháng 05 năm 2025 đến ngày 01 tháng 06 năm 2025.

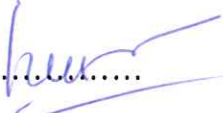
Nơi niêm yết: bảng tin cơ quan (trong phòng giáo viên).

Ý kiến đóng góp, phản ánh, khiếu nại, tố cáo trong quá trình niêm yết:

Không có ý kiến trong quá trình niêm yết

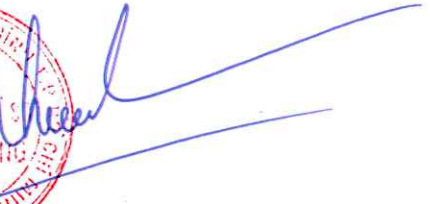
Biên bản niêm yết kết thúc lúc 10 giờ 30 cùng ngày./.

THÀNH PHẦN THAM DỰ:

- Lê Thị Kim Hương:
- Trần Đại:
- Trần Trọng Nhân:

HIỆU TRƯỞNG




Nguyễn Thị Hồng Vy

BIÊN BẢN KẾT THÚC NIÊM YẾT
Công khai quyết toán ngân sách năm 2024

Hôm nay, lúc 10 g 00 ngày 01 tháng 06 năm 2025

Tại: Trường THCS Quang Trung

Thành phần gồm có:

1. Bà Nguyễn Thị Hồng Vy – Hiệu trưởng
2. Bà Lê Thị Kim Hương – Giáo viên - Chủ tịch CĐCS
3. Ông Trần Đại – Giáo viên - Trưởng Ban TTND
4. Ông Trần Trọng Nhân – Kế toán trưởng

Tiến hành tháo bỏ niêm yết công khai quyết toán ngân sách năm 2024.

Thời gian niêm yết: từ ngày 02 tháng 05 năm 2025 đến ngày 01 tháng 06 năm 2025.

Nơi niêm yết: bảng tin cơ quan (trong phòng giáo viên).

Ý kiến đóng góp, phản ánh, khiếu nại, tố cáo trong quá trình niêm yết:

Không có ý kiến trong quá trình niêm yết

Biên bản niêm yết kết thúc lúc 10 giờ 30 cùng ngày./.

THÀNH PHẦN THAM DỰ:

- Lê Thị Kim Hương:
- Trần Đại:
- Trần Trọng Nhân:



Nguyễn Thị Hồng Vy

UBND QUẬN TÂN BÌNH
PHÒNG TÀI CHÍNH - KẾ HOẠCH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 56 /TB-TCKH

Tân Bình, ngày 14 tháng 4 năm 2025

THÔNG BÁO

Xét duyệt quyết toán ngân sách năm 2024

Đơn vị được thông báo : TRƯỜNG THCS QUANG TRUNG

Mã chương : C622 - LOẠI 070 - KHOẢN 073

Căn cứ Thông tư số 137/2017/TT-BTC ngày 25 tháng 12 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định xét duyệt, xét duyệt, thông báo và tổng hợp quyết toán năm;

Căn cứ số liệu báo cáo quyết toán ngân sách năm 2024 của Trường Trung học cơ sở Quang Trung và biên bản Xét duyệt quyết toán ngày 20 tháng 3 năm 2025 giữa Phòng Tài chính - Kế hoạch và Trường Trung học cơ sở Quang Trung;

Phòng Tài chính - Kế hoạch quận Tân Bình thông báo Xét duyệt quyết toán ngân sách năm 2024 (không bao gồm quyết toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản) của Trường Trung học cơ sở Quang Trung như sau:

I. Phạm vi xét duyệt:

- Quyết toán ngân sách năm 2024 (ngân sách thuộc nhiệm vụ phân bổ của quận, không bao gồm quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành). Đối với các khoản thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ chỉ thực hiện đối chiếu số liệu trên cơ sở báo cáo tài chính năm của đơn vị.

- Trong thời gian thực hiện xét duyệt quyết toán: không tiến hành đối chiếu, xác minh trực tiếp các khoản công nợ, không xác minh lại với các đối tượng thụ hưởng, không kiểm tra tính hợp pháp của các chứng từ; không trực tiếp quan sát kiểm kê tiền mặt, vật tư, tài sản của đơn vị.

Do giới hạn về thời gian và nhân lực nên Phòng Tài chính - Kế hoạch chỉ tập trung xét duyệt trên các nội dung sau: kiểm tra danh mục báo cáo quyết toán; kiểm tra tính đầy đủ và khớp đúng giữa các số liệu quyết toán; số dư kinh phí không thường xuyên/không thực hiện tự chủ chuyển sang năm sau sử dụng (đối với kinh phí thường xuyên/kinh phí thực hiện tự chủ tự động chuyển sang năm sau sử dụng theo quy định nên đơn vị chịu trách nhiệm theo dõi, đối chiếu); kiểm tra việc thực hiện kiến nghị của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; các nội dung còn lại Trường Trung học cơ sở Quang Trung chịu trách nhiệm về tính pháp lý, tính chính xác của số liệu mà Trường Trung học cơ sở Quang Trung đã cung cấp.

II. Phần số liệu:

1. Số liệu quyết toán:

a. Thu phí, lệ phí (nếu có)

- Tổng số thu trong năm

:

0 đồng

- Số phải nộp ngân sách nhà nước : 0 đồng
- Số phí được khấu trừ, để lại : 0 đồng

(Số liệu chi tiết theo Mẫu biểu 2a ban hành kèm theo Thông tư số 137/2017/TT-BTC ngày 25/12/2017 của Bộ Tài chính)

b. Quyết toán chi ngân sách

- Số dư kinh phí năm trước chuyển sang : 765.054.060 đồng
- Dự toán được giao trong năm : 20.234.955.000 đồng
- trong đó:
- + Dự toán giao đầu năm : 15.738.806.000 đồng
- + Dự toán bổ sung trong năm : 4.496.149.000 đồng
- Kinh phí thực nhận trong năm : 20.228.029.583 đồng
- Kinh phí quyết toán : 20.228.029.583 đồng
- Kinh phí giảm trong năm (hủy, giảm dự toán) : 38.144.481 đồng
- Số dư kinh phí được chuyển sang năm sau sử dụng và : 733.834.996 đồng
- quyết toán, bao gồm:
- + Kinh phí đã nhận : đồng
- + Dự toán còn dư ở Kho bạc : 733.834.996 đồng

(Số liệu chi tiết theo Mẫu biểu 2c ban hành kèm theo Thông tư số 137/2017/TT-BTC ngày 25/12/2017 của Bộ Tài chính)

2. Tình hình thực hiện kiến nghị của kiểm toán, thanh tra, cơ quan tài chính:

- Tổng số kinh phí phải nộp NSNN : 419.641.388 đồng
- Tổng số kinh phí đã nộp NSNN : 419.641.388 đồng
- Tổng số kinh phí còn phải nộp NSNN : 0 đồng

(Số liệu chi tiết theo Mẫu biểu số 69 Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư số 342/2016/TT-BTC).

3. Thuyết minh số liệu quyết toán:

a. Kinh phí hoạt động thường xuyên:

Trên cơ sở dự toán NSNN giao cho trường năm 2024, trường đã thực hiện nhiệm vụ chi các chế độ cho con người và chi hoạt động thường xuyên của ngành giáo dục.

Năm 2024 trường có số dự toán chuyển sang năm sau 733.834.996 đồng (bao gồm: nguồn 13 là 25.836.947 đồng, nguồn 14 là 707.998.049 đồng); phân phối kết quả tài chính trong năm 650.000.000 đồng trong đó chi thu nhập tăng thêm 389.935.000 đồng, và trích lập quỹ đơn vị là 260.065.000 đồng.

b. Kinh phí không thường xuyên:

Đvt: đồng

Stt	Nội dung	Dự toán	Quyết toán	Chênh lệch	Nguyên nhân
A	B	1	2	3=1-2	
I	Kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ năm 2024 (nguồn 12)	3.891.993.000	3.875.848.519	16.144.481	
1	Chế độ trả lương dạy thêm giờ đối với nhà giáo theo Thông tư liên tịch số 07/2013/TTLT-BGDĐT-BNV-BTC	222.210.000	222.209.147	853	Hủy dự toán
2	Phụ cấp ưu đãi đối với nhà giáo trực tiếp giảng dạy người khuyết tật theo phương thức giáo dục hòa nhập	169.843.000	168.574.011	1.268.989	Hủy dự toán
3	Chính sách miễn, giảm học phí theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP	6.120.000		6.120.000	Hủy dự toán
4	Chính sách hỗ trợ học phí đối với học sinh là người dân tộc thiểu số theo Nghị quyết số 23/2022/NQ-HĐND	720.000		720.000	Hủy dự toán
5	Chính sách đặc thù hỗ trợ học phí cho năm học 2023 - 2024 theo Nghị quyết 36/2023/NQ-HĐND	2.729.700.000	2.729.700.000	0	
6	Mua sắm tài sản 2024 theo Quyết định 240/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân Quận	190.000.000	186.312.000	3.688.000	Hủy dự toán
7	Mua sắm tài sản 2024 theo Quyết định 673/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân Quận	90.000.000	88.200.000	1.800.000	Hủy dự toán
8	Kinh phí sửa chữa hè năm 2024	483.400.000	480.853.361	2.546.639	Hủy dự toán
II	Kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ năm 2024 (nguồn 18)	234.073.000	234.073.000	-	
1	Chế độ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP	281.080.000	281.080.000	-	
	Tổng cộng	4.173.073.000	4.156.928.519	16.144.481	

Ghi chú: dự toán bao gồm giao đầu năm và điều chỉnh, bổ sung trong năm.

Kinh phí hủy dự toán: 38.144.481 đồng, trong đó:

- Kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ năm 2024 (nguồn 12): 16.144.481 đồng.

- Tiết kiệm 5% chi thường xuyên năm 2024 theo Nghị quyết số 119/NQ-CP (nguồn 13): 22.000.000 đồng.

c. Các Quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách: (không có).

d. Thuyết minh các nội dung khác:

* Tình hình thực hiện nguồn kinh phí thực hiện cải cách tiền lương năm 2024 từ nguồn thu hoạt động dịch vụ:

- Nguồn cải cách tiền lương năm 2023 chuyển sang	:	1.487.892.787 đồng
+ Nguồn ngân sách	:	745.054.060 đồng
+ Nguồn dịch vụ	:	742.838.727 đồng
- Nguồn cải cách tiền lương trích lập trong năm 2024	:	9.528.763.140 đồng
+ Nguồn ngân sách	:	7.891.412.000 đồng
+ Nguồn dịch vụ	:	1.637.351.140 đồng
- Kinh phí chi trong năm 2024	:	8.983.097.427 đồng
➢ Trả TNTT theo Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND	:	6.344.552.326 đồng
+ Nguồn ngân sách	:	5.346.521.011 đồng
+ Nguồn dịch vụ	:	998.031.315 đồng
➢ Chi chênh lệch tăng MLCS theo ND số 24/2023/ND-CP	:	1.363.327.499 đồng
+ Nguồn ngân sách	:	1.363.327.499 đồng
+ Nguồn dịch vụ	:	0 đồng
➢ Chi chênh lệch tăng MLCS theo Nghị định số 73/2024/ND-CP:	:	1.223.622.602 đồng
+ Nguồn ngân sách	:	1.218.619.501 đồng
+ Nguồn dịch vụ	:	5.003.101 đồng
➢ Hoàn trả tiền căn tin nộp ngân sách nhà nước	:	51.595.000 đồng
- Nguồn CCTL còn thừa chuyển sang năm 2025	:	2.033.558.500 đồng
+ Nguồn ngân sách	:	707.998.049 đồng
+ Nguồn dịch vụ	:	1.325.560.451 đồng

* Chế độ bồi dưỡng giáo viên thể dục thể thao theo Quyết định số 51/2012/QĐ-TTg ngày 16 tháng 11 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ

Đơn vị chi chế độ bồi dưỡng giáo viên thể dục thể thao theo Quyết định số 51/2012/QĐ-TTg ngày 16 tháng 11 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ quy định về chế độ bồi dưỡng và chế độ trang phục đối với giáo viên, giảng viên thể dục thể thao như sau:

- Chế độ trang phục: đơn vị cấp cho người lao động 02 bộ quần áo thể thao theo dài tay/năm, 02 đôi giày thể thao/năm, 04 đôi tất thể thao/năm, 04 áo thể thao ngắn tay/năm. (theo Giấy rút ngân sách nhà nước số 155 ngày 13/01/2025). Đơn vị chi chưa kịp thời so với quy định.

- Chế độ bồi dưỡng: chi hỗ trợ hàng tháng (được tính bằng 01% mức lương tối thiểu chung cho 01 tiết giảng thực hành).

*** Về việc chi phụ cấp ưu đãi đối với Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng theo Thông tư số 15/2017/TT-BGDĐT ngày 09 tháng 6 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định chế độ làm việc đối với giáo viên phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 28/2009/TT-BGDĐT ngày 21 tháng 10 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo**

Căn cứ số đầu bài đơn vị cung cấp tại thời điểm xét duyệt, chọn mẫu số đầu bài tháng 11 năm 2024 như sau:

- Bà Nguyễn Thị Hồng Vy - Hiệu trưởng thực hiện việc dạy 2 tiết/tuần (Lớp 6/1 và lớp 6/3 - môn Hoạt động trải nghiệm)

- Ông Nguyễn Đông Quân - Phó Hiệu trưởng thực hiện việc dạy 4 tiết/tuần (Lớp 8/1, 8/3, 8/5 và lớp 8/7 - môn Giáo dục địa phương).

- Bà Hứa Thị Kiều My - Phó Hiệu trưởng thực hiện việc dạy 4 tiết/tuần (Lớp 7/2 7/8, 9/1 và lớp 9/3 - môn Hoạt động trải nghiệm và Giáo dục địa phương).

III. Nội dung đối chiếu số liệu kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ:

Kết quả chênh lệch thu lớn hơn chi trong năm: **2.310.007.335 đồng**, trong đó:

- Sử dụng kinh phí tiết kiệm của cơ quan hành chính: 0 đồng

- Phân phối cho các quỹ: 2.150.000.000 đồng.

- Kinh phí cải cách tiền lương: 1.637.351.140 đồng.

(Số liệu chi tiết theo Mẫu biểu 2b ban hành kèm theo Thông tư số 137/2017/TT-BTC ngày 25/12/2017 của Bộ Tài chính)

IV. Nhận xét và kiến nghị:

1. Nhận xét:

1.1 Về chấp hành thời hạn nộp báo cáo quyết toán:

Đúng thời hạn theo kế hoạch xét duyệt quyết toán.

1.2 Về các mẫu biểu báo cáo quyết toán:

- Thực hiện đầy đủ theo quy định.

- Số liệu báo cáo tài chính khớp đúng với các phụ lục đính kèm.

1.3. Về chấp hành các quy định của Nhà nước:

*** Về việc mở, ghi chép, hạch toán trên sổ sách kế toán và hóa đơn chứng từ:**

Đơn vị chịu trách nhiệm trước pháp luật và các cơ quan quản lý nhà nước về tính trung thực của các tài liệu, sổ sách kế toán đã xuất trình cho Tổ xét duyệt. Nếu sau này kiểm tra đối chiếu phát hiện có chênh lệch khác ngoài kết quả nêu trên thì đơn vị phải chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật.

- Về việc ghi chép sổ sách kế toán của đơn vị trong phạm vi kiểm tra: Đơn vị có mở, ghi chép sổ sách kế toán theo quy định.

*** Về lập, phân bổ và giao dự toán:**

- Đúng thời hạn. Đầy đủ biểu mẫu theo quy định.

*** Về mua sắm, sửa chữa tài sản:**

- Số liệu báo cáo tài sản:

Đvt: đồng

Stt	Nội dung	Báo cáo tài sản	Sổ kế toán	Chênh lệch	Nguyên nhân chênh lệch (nếu có)
I	Tài sản cố định				
1	Nguyên giá	26.613.058.520	26.547.050.720	-	-
2	Giá trị hao mòn, khấu hao lũy kế	5.337.167.717	5.233.712.720	-	-
3	Giá trị còn lại	20.830.051.483	21.313.338.000	-	-
II	Công cụ dụng cụ (nguyên giá)			-	-

- Tăng tài sản và CCDC:

+ TSCĐ: 1.544.082.000 đồng

Trong đó: - Tăng nguyên giá đất: 642.864.000 đồng

- Máy móc, thiết bị: 901.218.800 đồng

+ CCDC: 775.267.450 đồng

+ Không phát sinh tăng nguyên giá nhà.

- Giảm TS và CCDC:

+ TSCĐ: 594.955.450 đồng

Trong đó: - Giảm nguyên giá đất: 0 đồng

- Giảm tài sản: 594.955.450 đồng

- Thanh lý: 0 đồng

+ CCDC: 0 đồng

- Tiền thanh lý sản trong năm: 0 đồng

- Trích hao mòn, khấu hao trong năm: 445.839.320 đồng. Đối với tài sản cố định vừa sử dụng vào hoạt động kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết (nếu có) vừa sử dụng vào hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ của đơn vị sự nghiệp công lập thì đề nghị đơn vị thực hiện theo đúng quy định tại Thông tư số 23/2023/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2023 của Bộ Tài chính và Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính Phủ.

*** Về quản lý sử dụng tài sản:**

- Báo cáo tình hình sử dụng tài sản năm 2024:

+ Danh mục báo cáo nộp chưa đủ theo Công văn số 19/TCKH ngày 09/01/2025 của Phòng Tài chính - Kế hoạch quận Tân Bình: thiếu báo cáo kiểm kê công cụ dụng cụ 2024

+ Tình hình công khai quản lý, sử dụng TSC: có công khai mẫu 09a, 09b, 09c, 09d, 09đ

+ Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công: đơn vị có xây dựng quy chế theo Quyết định số 02/QĐ-QT ngày 05/01/2023

* Về sửa chữa công trình, thiết bị công trình xây dựng có dự toán chi phí sửa chữa dưới 500 triệu đồng theo Thông tư 65/2021/TT-BTC ngày 29/7/2021 của Bộ Tài chính: Hồ sơ quyết toán, chứng từ thanh toán, hóa đơn đầy đủ, quyết định đầy đủ.

*** Chế độ chi tiêu:**

- Đơn vị có ban hành quy chế chi tiêu nội bộ.
- Đơn vị có biên bản kiểm kê quỹ tiền mặt hàng tháng.
- Đơn vị có thực hiện công khai tài chính theo quy định.

*** Hạch toán thu, chi, mục lục ngân sách nhà nước:**

- Đơn vị hạch toán chương trình kế toán: Imas.
- Sổ sách kế toán: mở các loại sổ theo quy định tại Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10 tháng 10 năm 2017 của Bộ Tài Chính hướng dẫn chế độ kế toán hành chính, sự nghiệp.

1.4. Về thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước, thanh tra và cơ quan tài chính:

* Kết quả thực hiện các kiến nghị tại Thông báo xét duyệt Quyết toán năm 2023:

- Trường đã thực hiện báo cáo tại Công văn số 469/QT ngày 23 tháng 12 năm 2024 về việc báo cáo thực hiện kiến nghị tại Thông báo xét duyệt quyết toán năm 2023.

2. Kiến nghị:

- Báo cáo các nội dung sau về Phòng Tài chính - Kế hoạch **chậm nhất ngày 31 tháng 5 năm 2025:**

- + Báo cáo kiểm kê công cụ dụng cụ 2024.
- + Nguyên giá và giá trị còn lại của tài sản cố định không khớp giữa báo cáo tài sản và sổ kế toán.

- Theo dõi nguồn kinh phí CCTL còn thừa chuyển sang năm 2025 để tiếp tục chi theo chế độ quy định có số tiền là **2.033.558.500** (Nguồn CCTL trích từ nguồn thu dịch vụ: 1.325.560.451 đồng, nguồn CCTL từ NSNN: 707.998.049 đồng).

- Kết quả xét duyệt quyết toán trên đây căn cứ vào số liệu do đơn vị cung cấp. Nếu sau này phát hiện còn số liệu nào khác có liên quan đến nội dung đã kiểm tra, đơn vị phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Nơi nhận:

- Trường THCS Quang Trung;
- Lãnh đạo Phòng TCKH;
- Lưu: VT, Trám, Việt.



Trần Minh Vũ

ĐỐI CHIẾU SỐ LIỆU KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2024
ĐƠN VỊ: TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ QUANG TRUNG
 (Kèm theo Thông báo xét duyệt quyết toán ngân sách số 56/TB-TCKH ngày 14 tháng 4 năm 2025 của
 Phòng Tài chính - Kế hoạch)



Đvt: đồng

Chỉ tiêu	Nội dung	Số tiền
A	B	C
I	Hoạt động hành chính, sự nghiệp	
1	Doanh thu	20.644.861.903
a	Từ NSNN cấp	20.644.861.903
b	Từ nguồn viện trợ, vay nợ nước ngoài	
c	Từ nguồn phí được khấu trừ, để lại	
2	Chi phí	19.994.861.903
a	Chi phí hoạt động	19.994.861.903
b	Chi phí từ nguồn viện trợ, vay nợ nước ngoài	
c	Chi phí hoạt động thu phí	
3	Thặng dư/thâm hụt	650.000.000
II	Hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ	
1	Doanh thu	3.900.357.866
2	Chi phí	2.161.928.364
3	Thặng dư/thâm hụt	1.738.429.502
III	Hoạt động tài chính	
1	Doanh thu	1.324.675
2	Chi phí	76.030
3	Thặng dư/thâm hụt	1.248.645
IV	Hoạt động khác	
1	Thu nhập khác	5.163.000
2	Chi phí khác	
3	Thặng dư/thâm hụt	5.163.000
V	Chi phí thuế TNDN	84.833.812
VI	Thặng dư/thâm hụt trong năm	2.310.007.335
1	Sử dụng kinh phí tiết kiệm của đơn vị hành chính	
2	Phân phối cho các quỹ	2.150.000.000
3	Kinh phí cải cách tiền lương	1.637.351.140



SƠ LIỆU XÉT DUYỆT QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2024

ĐƠN VỊ: TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ QUANG TRUNG

(Kèm theo Thông báo xét duyệt quyết toán ngân sách số 56/TB-TCKH ngày 14 tháng 4 năm 2025 của Phòng Tài chính - Kế hoạch)

Phần I- TỔNG HỢP TÌNH HÌNH KINH PHÍ

Đvt: đồng

Chỉ tiêu	Nội dung	Tổng số	070		Chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc)
			Tổng loại	073	
A	B	1	2	3	4
A	Nguồn ngân sách nhà nước:	-	-	-	-
I	Nguồn ngân sách trong nước	-	-	-	-
1	Số dư kinh phí năm trước chuyển sang	765.054.060	765.054.060	765.054.060	-
1.1	Kinh phí thường xuyên/tự chủ	20.000.000	20.000.000	20.000.000	-
	- Kinh phí đã nhận	-	-	-	
	- Dự toán còn dư ở Kho bạc	20.000.000	20.000.000	20.000.000	
1.2	Kinh phí không thường xuyên/ không tự chủ	745.054.060	745.054.060	745.054.060	-
	- Kinh phí đã nhận	-	-	-	
	- Dự toán còn dư ở Kho bạc	745.054.060	745.054.060	745.054.060	-
2	Dự toán được giao trong năm	20.234.955.000	20.234.955.000	20.234.955.000	-
	Kinh phí thường xuyên/tự chủ	10.752.417.000	10.752.417.000	10.752.417.000	-
	Kinh phí không thường xuyên/ không tự chủ	9.482.538.000	9.482.538.000	9.482.538.000	-
3	Tổng số được sử dụng trong năm	21.000.009.060	21.000.009.060	21.000.009.060	-
	Kinh phí thường xuyên/tự chủ	10.772.417.000	10.772.417.000	10.772.417.000	-
	Kinh phí không thường xuyên/ không tự chủ	10.227.592.060	10.227.592.060	10.227.592.060	-
4	Kinh phí thực nhận trong năm	20.228.029.583	20.228.029.583	20.228.029.583	-
	Kinh phí thường xuyên/tự chủ	10.724.580.053	10.724.580.053	10.724.580.053	-
	Kinh phí không thường xuyên/ không tự chủ	9.503.449.530	9.503.449.530	9.503.449.530	-
5	Kinh phí đề nghị quyết toán	20.228.029.583	20.228.029.583	20.228.029.583	-
	Kinh phí thường xuyên/tự chủ	10.724.580.053	10.724.580.053	10.724.580.053	-
	Kinh phí không thường xuyên/ không tự chủ	9.503.449.530	9.503.449.530	9.503.449.530	-
6	VI. Kinh phí giảm trong năm	38.144.481	38.144.481	38.144.481	-
6.1	Kinh phí thường xuyên/tự chủ	22.000.000	22.000.000	22.000.000	-
	- Đã nộp NSNN:	-	-	-	-
	- Còn phải nộp NSNN:	-	-	-	-
	- Dự toán bị hủy	22.000.000	22.000.000	22.000.000	-
6.2	Kinh phí không thường xuyên/ không tự chủ	16.144.481	16.144.481	16.144.481	-
	- Đã nộp NSNN:	-	-	-	-
	- Còn phải nộp NSNN:	-	-	-	-
	- Dự toán bị hủy	16.144.481	16.144.481	16.144.481	-

Chỉ tiêu	Nội dung	Tổng số	070		Chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc)
			Tổng loại	073	
7	Số dư kinh phí được phép chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán	733.834.996	733.834.996	733.834.996	-
7.1	Kinh phí thường xuyên/tự chủ	25.836.947	25.836.947	25.836.947	-
	- Kinh phí đã nhận	-	-	-	-
	- Dự toán còn dư ở Kho bạc	25.836.947	25.836.947	25.836.947	-
7.2	Kinh phí không thường xuyên/ không tự chủ	707.998.049	707.998.049	707.998.049	-
	- Kinh phí đã nhận	-	-	-	-
	- Dự toán còn dư ở Kho bạc	707.998.049	707.998.049	707.998.049	-
II	NGUỒN VỐN VIỆN TRỢ	-	-	-	-
III	NGUỒN VAY NỢ NƯỚC NGOÀI	-	-	-	-
B	NGUỒN PHÍ ĐƯỢC KHẤU TRỪ ĐỂ LẠI	-	-	-	-
C	NGUỒN HOẠT ĐỘNG KHÁC ĐƯỢC ĐỂ LẠI	-	-	-	-

Phần II- CHI TIẾT KINH PHÍ QUYẾT TOÁN:

Loại	Khoản	Mục	Tiểu mục	Nội dung chi	Tổng số	Nguồn ngân sách nhà nước			Phí được khấu trừ, để lại	Nguồn hoạt động khác được để lại	Chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc)
						Ngân sách trong nước	Viện trợ	Vay nợ nước ngoài			
A	B	C	D	E	I	2	3	4	5	6	7
070	073			Tổng số	20.228.029.583	20.228.029.583					
				I. Kinh phí thường xuyên/ tự chủ	10.724.580.053	10.724.580.053					
		6000		Tiền lương	5.176.850.608	5.176.850.608					
		6001		Lương theo ngạch, bậc	5.176.850.608	5.176.850.608					
		6100		Phụ cấp lương	2.512.488.406	2.512.488.406					
		6101		Phụ cấp chức vụ	91.367.971	91.367.971					
		6112		Phụ cấp ưu đãi nghề	1.536.848.802	1.536.848.802					
		6113		Phụ cấp theo nghề, theo công việc	18.846.000	18.846.000					
		6115		Phụ cấp thâm niên vượt khung; phụ cấp thâm niên nghề	865.425.633	865.425.633					
		6200		Tiền thưởng	46.332.000	46.332.000					
		6201		Thưởng thường xuyên	46.332.000	46.332.000					
		6300		Các khoản đóng góp	1.443.844.237	1.443.844.237					
		6301		Bảo hiểm xã hội	1.043.570.043	1.043.570.043					
		6302		Bảo hiểm y tế	184.159.422	184.159.422					
		6303		Kinh phí công đoàn	124.035.049	124.035.049					
		6304		Bảo hiểm thất nghiệp	61.386.479	61.386.479					
		6349		Các khoản đóng góp khác	30.693.244	30.693.244					
		6400		Các khoản thanh toán khác cho cá nhân	130.248.000	130.248.000					
		6449		Chi khác	130.248.000	130.248.000					
		6500		Thanh toán dịch vụ công cộng	112.707.853	112.707.853					
		6501		Tiền điện	91.892.111	91.892.111					
		6502		Tiền nước	5.747.078	5.747.078					
		6504		Tiền vệ sinh, môi trường	15.068.664	15.068.664					
		6550		Vật tư văn phòng	16.417.269	16.417.269					
		6551		văn phòng phẩm	13.987.377	13.987.377					
		6599		Vật tư văn phòng khác	2.429.892	2.429.892					
		6600		Thông tin, tuyên truyền, liên lạc	5.713.218	5.713.218					
		6601		Cước phí điện thoại (không bao gồm khoản điện thoại); thuê bao đường điện thoại; fax	1.735.218	1.735.218					
		6608		Phim ảnh; ấn phẩm truyền thông; sách, báo, tạp chí thư viện	3.978.000	3.978.000					
		6700		Công tác phí	12.000.000	12.000.000					
		6704		Khoản công tác phí	12.000.000	12.000.000					
		6750		Chi phí thuê mướn	510.578.400	510.578.400					
		6757		Thuê lao động trong nước	510.578.400	510.578.400					
		6900		Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng	7.620.500	7.620.500					
		6905		Tài sản và thiết bị chuyên dùng	3.120.500	3.120.500					
		6912		Các thiết bị công nghệ thông tin	4.500.000	4.500.000					

Loại	Khoản	Mục	Tiểu mục	Nội dung chi	Tổng số	Nguồn ngân sách nhà nước			Phí được khấu trừ, để lại	Nguồn hoạt động khác được để lại	Chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc)
						Ngân sách trong nước	Viện trợ	Vay nợ nước ngoài			
		7000		Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	99.779.562	99.779.562					
			7001	Chi mua hàng hóa, vật tư	2.703.909	2.703.909					
			7004	Đồng phục, trang phục; bảo hộ lao động	8.000.000	8.000.000					
			7049	Chi khác	89.075.653	89.075.653					
		7950		Chi lập các quỹ của đơn vị thực hiện khoán chi và đơn vị sự nghiệp có thu theo chế độ quy định	650.000.000	650.000.000					
			7951	Chi lập Quỹ bổ sung thu nhập, Quỹ dự phòng ổn định thu nhập	390.000.000	390.000.000					
			7952	Chi lập Quỹ phúc lợi	194.935.000	194.935.000					
			7953	Chi lập Quỹ khen thưởng	65.000	65.000					
			7954	Chi lập Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp	65.000.000	65.000.000					
				II. Kinh phí không thường xuyên/ không tự chủ	9.503.449.530	9.503.449.530					
		6100		Phụ cấp lương	390.783.158	390.783.158					
			6105	Phụ cấp làm đêm; làm thêm giờ	222.209.147	222.209.147					
			6112	Phụ cấp ưu đãi nghề	168.574.011	168.574.011					
		6200		Tiền thưởng	281.080.000	281.080.000					
			6249	Thưởng khác	281.080.000	281.080.000					
		6400		Các khoản thanh toán khác cho cá nhân	5.346.521.011	5.346.521.011					
			6449	Chi khác	5.346.521.011	5.346.521.011					
		6550		Vật tư văn phòng	9.780.000	9.780.000					
			6552	Mua sắm công cụ dụng cụ văn phòng	9.780.000	9.780.000					
		6750		Chi phí thuê mướn	6.000.000	6.000.000					
			6799	Chi phí thuê mướn khác	6.000.000	6.000.000					
		6900		Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng	480.853.361	480.853.361					
			6907	Nhà cửa	480.853.361	480.853.361					
		6950		Mua sắm tài sản phục vụ công tác chuyên môn	88.200.000	88.200.000					
			6956	Các thiết bị công nghệ thông tin	88.200.000	88.200.000					
		7000		Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	170.532.000	170.532.000					
			7001	Chi mua hàng hóa, vật tư	170.532.000	170.532.000					
		7750		Chi khác	2.729.700.000	2.729.700.000					
			7766	Cấp bù học phí cho cơ sở giáo dục đào tạo theo chế độ	2.729.700.000	2.729.700.000					